

# LÝ THÁI CỰC

## Và sự tìm hiểu Kinh Dịch

### I- DẪN NHẬP

Kinh Dịch là kinh điển quan trọng vào bậc nhất ở Đông Á và Đông Nam Á, nhất là Trung Quốc và các nước đồng văn như Đại Hàn, Việt Nam và Nhật Bản.

Kinh Dịch nói về sự biến hóa của sự vật trong thiên nhiên, nó chứa đựng những luật tắc của thiên nhiên và của xã hội loài người.

Theo Trương Hành Thành thì Dịch là một tác phẩm cần đọc và cần học. Ông nói “Chẳng học Dịch thì làm sao mà biết được đâu là đầu mối của Tạo Hóa. Dịch thông thì vật lý tự thông, chưa bao giờ có kẻ bất thông Dịch lý mà lại có thể thông vật lý được” (Bất học dịch hà dĩ thức tạo hòa chi đoan nghệ. Dịch thông tắc vật lý tự thông. Vi hữu bất thông Dịch lý nhi năng thông vật lý dã).

Học Dịch tức là học về các luật tắc biến hóa của vũ trụ vạn vật, như vậy học Dịch không phải là công việc dễ dàng, Muốn học Dịch thì đầu tiên phải hiểu Lý Thái Cực. Lý Thái Cực chính là Nguyên Lý của sự Biến Hóa vậy.

Người viết nhận thấy trong các sách về Dịch lý, không có nơi nào giải thích một cách rõ ràng rành mạch về Lý Thái Cực.

Vi vậy mục đích của bài này là cố gắng làm sáng tỏ về ý nghĩa của Lý Thái Cực để giúp người mới học Dịch tìm hiểu Dịch lý một cách dễ dàng hơn.

Trước khi đi sâu vào việc giải thích Lý Thái Cực, người viết sẽ trình bày một cách rất khái quát về Kinh Dịch, nhằm mục đích giúp độc giả có một khái niệm về quyển kinh này.

## **II- Khái quát về kinh Dịch và những khó khăn trong việc tìm hiểu kinh Dịch.**

### **1) Khái quát về kinh Dịch**

Kinh Dịch là một kỳ thư được các kỳ nhân sáng tác vào khoảng 7, 8 ngàn năm nay. Các kỳ nhân này đã được chứng minh bởi khảo cổ học và di truyền học là thuộc dòng giống Bách Việt và Trung tâm của Văn hóa Bách Việt đã được ngành khảo cổ học chứng minh là ở tại Hòa Bình, trên lãnh thổ nước Việt Nam.

Kinh Dịch lúc đầu không được viết bằng ngôn ngữ thông thường mà bằng các phù hiệu âm (— —) dương (—). Cũng vì vậy có người ví quyển kinh Dịch là một lâu đài thần bí được xây bằng những viên gạch âm (— —) và dương (—) thần bí.

Khi kinh Dịch vào đất Trung Hoa đã được các bậc Thượng Trí hoàn chỉnh nó. Đó là Văn Vương, Chu Công và Khổng Tử.

Văn Vương thêm lời vào các quái gọi là quái từ.

Chu Công là con thứ của Văn Vương đã thêm lời vào các hào gọi là hào từ.

Khổng Tử đã làm Dịch truyện để giải thích thêm quái từ và hào từ của Văn Vương và Chu Công. Ngoài ra, Khổng Tử còn trình bày những khía cạnh triết lý của kinh Dịch.

Với quái từ và hào từ của Văn Vương và Chu Công và với Dịch truyện của Khổng Tử, kinh Dịch đã trở nên một kinh điển hàng đầu ảnh hưởng sâu rộng, lớn lao tới tư tưởng và đời sống của người Trung Quốc và các nước Đông văn như Việt Nam, Nhật Bản và Đại Hàn.

Khổng Tử và các đệ tử của Ngài đã làm ra Tứ Thư Ngũ Kinh, những kinh điển căn bản của Nho Giáo.

Lão Tử làm ra Đạo Đức Kinh làm kinh điển cho Lão Giáo. Cả hai Khổng Tử và Lão Tử đều dựa vào Kinh Dịch để soạn ra các kinh điển của mình.

Ngoài ra, các nhà khoa học Trung Quốc về y học, số học, địa lý thiên văn, v.v... đều coi các luật tắc của kinh Dịch như là những nguyên tắc căn bản cho các lý luận của mình, thí dụ như Hoàng Đế Nội Kinh đã sử dụng Âm Dương Ngũ Hành để luận bệnh, chẩn bệnh và trị bệnh. Có người nói nếu không có Kinh Dịch thì cũng không có văn hóa Trung Quốc, lời nói này nếu xét cho kỹ thì cũng không sai. Trịnh Tiều trong bài THÔNG CHỈ TỔNG TỰ đã nói “Dịch tuy chỉ là một bộ sách mà có đến 16 môn học: có truyện học, có chương cú học, có đồ học, có số học, có sấm vĩ học..., làm sao mà nói cho hết các môn học của Dịch được”.

(Dịch tuy nhất thư nhi hữu thập lục chủng học : hữu truyện học, hữu chú học, hữu chương cú học, hữu đồ học, hữu số học, hữu sấm vĩ học..., an đắc tổng ngôn dịch loại hồ ?).

Như vậy thì ngoài những môn học sách vở thường nhắc tới như Nho y, lý số còn biết bao nhiêu môn học khác nữa như Trịnh Tiều đã nói.

Kinh Dịch đã được dịch ra nhiều thứ tiếng và đã xâm nhập Âu châu trong các thế kỷ trước và đã ảnh hưởng không ít tới nền văn hóa, văn minh phương Tây.

Đầu tiên phải kể đến hệ nhị phân (binary system) của Leibnitz, nếu không có đồ tròn đồ vuông của Thiệu Khang Tiết thì Leibnitz cũng không thể nào hoàn chỉnh được hệ nhị phân của mình, và chắc chắn cũng không có khoa tin học phát triển rực rỡ như ta thấy ngày hôm nay.

Ngoài ra nhà nhân chủng học Lévi-Strauss cũng không thể nào có thể phát minh được Cơ Cấu luận nếu không có khái niệm về cơ cấu âm dương ngũ hành. Và nếu Carl Jung không tiếp cận được với Dịch học thì cũng không thể nào tạo được ngành phân tâm học.

Cuối cùng, Hegel và Karl Marx nếu không có Dịch thì Hegel cũng không bao giờ có được Biện Chứng Pháp. Những sáng kiến chính đề, phản đề và tổng hợp đề là do quan niệm âm dương hợp với nhau để trở về thái cực. Nhưng rất tiếc hai vị này đã hiểu sai âm dương và thái cực nên gây nhiều tai họa. Điều này sẽ được nói chi tiết hơn ở phần sau của bài này.

## **2) Những khó khăn trong việc học Dịch và tìm hiểu Kinh Dịch.**

Dịch học là một môn học rất khó học và khó hiểu

- Dịch học không viết bằng ngôn ngữ thông thường mà bằng các phù hiệu âm dương.

- Người cho lời vào các quẻ dịch mục đích để người đọc hiểu cái sự việc hay hiện tượng mà quẻ dịch muốn nói, tức lời của quẻ dịch gồm quái từ và hào từ muốn diễn cái ý nghĩa của quẻ Dịch, những quái từ và hào từ

thường thường được viết theo lối ẩn dụ như trong kinh sách Phật Giáo – chẳng hạn lấy hình ảnh người mù sờ voi để ám chỉ (ẩn dụ) người vô minh.

Ngoài ra các ý của hào từ và quái từ cũng không luôn luôn liên hệ với nhau. Nhưng nếu ta nắm được nguyên lý Biến Dịch mà quẻ Dịch muốn diễn tả tại mỗi quẻ trong 64 quẻ và 384 hào thì việc học Dịch sẽ dễ dàng, cái nguyên lý biến dịch đó chính là Lý Thái Cực.

Vậy Lý Thái Cực là gì ?

### **III- Lý Thái Cực**

#### **1) Định nghĩa Thái Cực:**

Trước khi nói về Lý Thái Cực ta cần hiểu rõ Thái Cực là gì ?

Trong các sách vở về Dịch nói rất sơ sài về Thái Cực.

Thí dụ: Trong Hệ Từ Thượng của Dịch truyện nói về Thái Cực như sau: “Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái”.

Đây không phải là một định nghĩa mà là một lời nói rất tổng quát về Thái Cực là nguồn gốc của vạn vật.

Chu Liêm Khê (1017-1073) đời nhà Tống, định nghĩa Thái Cực là Vô Cực. Thái Cực đã khó hiểu rồi Vô Cực còn khó hiểu hơn nữa.

Thiệu Khang Tiết (1011-1077) định nghĩa Thái Cực là Đạo. Hoàng Cực là Tâm. Thực sự với kiểu định nghĩa như thế này thì ta cũng chẳng hiểu thêm được gì về Thái Cực.

Trình Di (1033-1107) định nghĩa Thái cực là Lý, là khí Chân Nguyên, là một.

Chu Hy thì cho Thái Cực cũng là Vô Cực, là vô thanh vô xú, là tuyệt đối thể cả hai Vô Cực và Thái Cực đều là Đạo, là Lý.

Thái Cực được gọi bằng nhiều danh hiệu, tất cả các danh hiệu đó đều cho ta một ý niệm rất trừu tượng về Thái Cực và muốn hiểu thì phải có thời gian để thể nghiệm. Nhưng rất may là có một học giả rất uyên bác, ít được nói tới, đó là học giả Mạng Khang Vu, ở triều Ngụy, đã cho ta một định nghĩa Thái cực rất chuẩn xác, rõ ràng và đầy đủ ông nói trong Tam Thông Lịch “Nguyên khí Thái cực gộp ba làm một” (Thái cực nguyên khí hàm tam vi nhất).

Ba ở đây là ba gì, đó là 3 yếu tố âm dương và trung hòa, cả 3 yếu tố gộp lại thì thành Thái cực.

|           |       |
|-----------|-------|
| dương     | —     |
| âm        | --    |
| trung hòa | - / - |

Để có thể hiểu được cái Lý Thái Cực gộp 3 làm một này thì phải đối chiếu với các hiện tượng trong thiên nhiên vì Lý Thái Cực thể hiện ra mọi nơi, mọi chốn trong trời đất.

- Người viết xin kể một hiện tượng do chính người viết trải nghiệm:

Khi vượt biên từ Rạch Giá sang Mã Lai năm 1979, tàu của chúng tôi có 72 người, tới gần bờ biển Mã Lai chỉ còn cách bờ biển Mã Lai khoảng 2 cây số thì bỗng có một cơn bão ập tới làm thuyền chúng tôi chao đảo dữ dội, nước vào trong thuyền gần ngập. Mọi người trong thuyền đang chờ đợi giờ phút cuối cùng của đời mình, thì bỗng nhiên cơn bão biến mất và tàu lại

nổi lên, mọi người vội vàng tát nước ra khỏi tàu và từ từ lái vào bờ. Tại sao cơn bão lại đột nhiên biến mất. Rất đơn giản là vì Dương (áp suất cao của không khí) đã gặp Âm (áp suất thấp của không khí) hay nói khác đi áp suất cao của không khí đã hạ thấp xuống ngang hàng với áp suất thấp của không khí, không khí đứng yên nên làm sao có bão tố được.

Nói theo Dịch là Dương đã gặp Âm ở điểm Trung Hòa. (âm = dương) nên mọi sự lại trở lại bình thường.

- Một thí dụ khác liên hệ tới xã hội loài người : Gia đình.

Một đôi trai gái lập gia đình, thuê hay mua một căn nhà để làm mái ấm gia đình.

Dù vợ hay chồng có đi làm ở đâu thì ban đêm cũng tìm về với người bạn đời của mình tại cái nhà của mình.

Vợ là âm, chồng là dương, gia đình là yếu tố trung hòa.

- Nếu đi vào Huyền Sử Tiên Rồng của Việt Nam thì ta thấy Lý Thái Cực được thể hiện bằng Lý Tiên Rồng. Một hôm Lạc Long Quân nói với Âu Cơ rằng: “Lạc Long Quân phải rời Âu Cơ về Thủy Phủ, nhưng vẫn hẹn gặp Âu Cơ khi cần thiết bất cứ lúc nào, tại Cánh Đồng Tương.

Đây là Lý Thái Cực vì Lạc Long Quân là dương, Âu Cơ là âm, cánh đồng Tương chính là điểm trung hòa, gộp 3 làm 1, người ta gọi đây là **Lý Tiên Rồng**.

Có lẽ không có một dân tộc nào khác lại lấy Lý Thái Cực để làm nguồn gốc của dân tộc mình như dân tộc Việt Nam. Vì Lý Thái Cực ở mọi nơi trong trời đất, chúng ta thử đi vào khoa học hiện đại xem Lý Thái Cực thể hiện ở khoa học như thế nào. Khoa học hiện đại cho ta một mẫu hình lý

tưởng về Lý Thái Cực đó là nguyên tử. Nguyên tử được cấu tạo bởi các âm điện tử (Electron), và các dương điện tử (Proton) và trung hòa tử (Neutron) gộp cả 3 lại ta có 1 nguyên tử ; Nguyên Tử là một Thái Cực. Thái cực này ở mọi nơi mọi chốn như Lão Tử nói về Đạo [Thái Cực] ở mọi nơi, ngay cả những nơi đơ bản nhất cũng có Đạo ở bên trong.

### **- Âm tìm Dương**

Trong trường hợp âm điện tử bị dòng điện với điện thế cao kéo ra khỏi dương điện tử và trung hòa tử và chạy thành dòng điện, qua bóng điện thì tạo ra ánh sáng, nếu ở điện thế cao thì âm điện tử có thể đốt cháy cả dây điện. Nhưng một khi điện thế trở về số không thì âm điện tử lại về với dương điện tử và trung hòa tử ở trung tâm của nguyên tử. Lúc đó ta nói nguyên tử ở trạng thái ổn định.

Đây là trường hợp Âm đi tìm Dương. Còn trường hợp Dương tìm Âm thế nào ?

### **- Dương tìm Âm**

Trong ngành sinh hóa học có trường hợp gọi là oxi hóa. Oxi hóa là gì ? Đó là trường hợp một phân tử oxy bị mất một âm điện tử (Electron). Phân tử đang ở tình trạng ổn định, tức là cả 3 yếu tố âm điện tử, dương điện tử và trung hòa tử đều xum họp với nhau bằng một âm điện tử bị phân tử khác cướp đi khi bị mất một âm điện tử thì phân tử trở nên bất ổn và phải đi kiếm cho kỳ được một âm điện tử khác. Đây là trường hợp Dương đi tìm Âm mà các khoa học gia gọi là trường hợp oxi hóa.

## **2)Lý Thái Cực**



Như vậy ta có thể kết luận được rằng Lý Thái Cực chính là cái lý Âm đi tìm Dương và Dương đi tìm Âm, và Âm Dương gặp nhau tại điểm Trung Hòa hay trung tâm của Thái Cực, trong trường hợp nguyên tử thì Âm và Dương gặp nhau tại Nhân nguyên tử.

Đây là một bí mật của Tạo Hóa, nó xảy ra hàng ngày và đã xảy ra cả muôn ngàn thuở ngay trước mắt chúng ta mà chúng ta không hề biết.

Những người học Dịch đều được dạy rằng không có “cô âm” và “cô dương” nghĩa âm dương không bao giờ ở một mình. Nhưng không ai được biết tại sao. Khi hiểu được Lý Thái Cực thì mới hiểu tại sao.

Âm không thể nào xa rời Dương và điểm Trung Hòa và Dương cũng không thể xa rời Âm và điểm Trung Hòa được. Đó là Lý Thái Cực và là quy luật không bao giờ thay đổi.

Quy luật này chi phối hết thảy mọi biến dịch trong trời đất. Hay nói khác đi Lý Thái Cực là đầu mối của mọi hiện tượng, mọi biến cố trong thế giới vĩ mô của các thiên thể, thế giới vi mô của các nguyên tử, và hạt ảo ở tầng Hạ nguyên tử, trong xã hội loài người và ngay cả trong thân tâm chúng ta.

Kinh Dịch đã được cấu tạo bằng Lý Thái Cực, như sẽ được trình bày sau đây.

#### **IV- Tầm quan trọng của Lý Thái Cực**

Lý Thái Cực là đầu mối của mọi biến hóa trong vũ trụ vạn vật. Nhờ Lý Thái Cực mà kinh dịch được sáng tạo, nhờ kinh Dịch mà ta hiểu được nho, y, lý, số và nhiều môn học khác nữa.

Chúng tôi sẽ lần lượt trình bày tầm quan trọng của Lý Thái Cực trong các lĩnh vực sau đây :

- Lý Thái Cực và sự cấu tạo Kinh Dịch.
- Lý Thái Cực và Hà Đồ Lạc Thư cùng sự cấu tạo của Ngũ Hành và Hậu Thiên Bát Quái.
- Lý Thái Cực và phương pháp tư duy.

## **A- LÝ THÁI CỰC VÀ CÔNG TRÌNH CẤU TẠO KINH DỊCH**

Việc cấu tạo Kinh Dịch là một công trình sáng tạo lớn lao của loài người. Để có thể hiểu kinh Dịch chúng ta phải kiểm tra cho được những nguyên tắc mà các kỳ nhân, tác giả của kinh Dịch đã sử dụng để cấu tạo ra quyển kinh quan trọng này. Các điểm quan trọng sau đây sẽ được trình bày.

- 1- Tại sao quẻ Dịch trong Bát Quái lại gồm 3 hào, mà không là 4, 5 hào.
- 2- Sự cấu tạo Bát Quái
- 3- Sự cấu tạo 64 Quẻ Kép của quyển kinh Dịch.
- 4- Tên Quẻ – tại sao tên quẻ lại được gọi như vậy mà không gọi khác đi?

### **1) Tại sao quẻ Dịch trong bát quái lại gồm 3 hào**

Kinh Dịch nói về sự biến dịch của sự vật. Đầu mối của sự biến dịch như đã trình bày ở phần trên là do Lý Thái Cực. Nguyên do của mọi biến dịch là do hiện tượng Âm đi tìm Dương, Dương đi tìm Âm, để đi về trung tâm của Thái Cực tức điểm trung hòa. Chỉ có 3 yếu tố gây nên mọi biến động là 2 yếu tố Âm Dương và yếu tố trung hòa, đó là Lý Thái Cực.

Để diễn tả sự biến động của sự vật Dịch phải coi 3 yếu tố đó là quan trọng, muốn diễn tả sự biến động của vũ trụ vạn vật thì phải xài 3 hào. Đó là lý do tại sao bát quái lại có 3 hào. Ba yếu tố Âm Dương và Trung Hòa được các nho gia gọi là Tam Tài thiên địa nhân.

THIÊN là Dương (—)

ĐỊA là Âm (— —)

NHÂN gồm cả Âm lẫn Dương (— — / —)

Tam tài thiên địa nhân được đại diện bởi 3 hào và được sắp xếp như sau:

Hào cuối là tài THIÊN

Hào giữa là tài NHÂN

Hào đầu là tài ĐỊA

Vì 3 tài thiên nhân địa, tài nào cũng có hai tính âm (— —) và dương (—) nên ta có :

|               |   |  |     |
|---------------|---|--|-----|
| Tài THIÊN gồm | — |  | — — |
| Tài NHÂN gồm  | — |  | — — |
| Tài ĐỊA gồm   | — |  | — — |

Do đó ta có Thiên Địa Nhân âm (— —) là :

THIÊN — —

NHÂN — —

ĐỊA — —

### Đó là quẻ Khôn


Và Thiên Địa Nhân dương (—) là :

THIÊN —

NHÂN —


ĐỊA —

### Đó là quẻ Càn

Như vậy ta có quẻ Khôn 

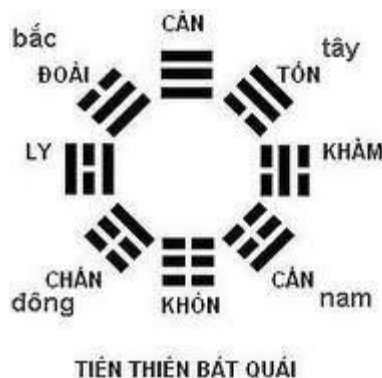
Và quẻ Càn 

Vậy Càn và Khôn là hai quẻ căn bản nhất của kinh Dịch. Theo nguyên tắc âm dương không rời nhau, tức không có cô âm và cô dương nên

Càn và Khôn luôn ở với nhau ở giữa bát quái đồ như sau : 

Và được vẽ thành Thái Cực đồ như ta thường thấy. 

## 2) Sự cấu tạo Bát Quái và Bát Quái Đồ



Chúng ta đã biết rằng Càn Khôn hợp với nhau thành trung tâm Thái Cực. Nhưng Âm Dương ở trong Thái Cực không bao giờ ở yên luôn vì một lý do gì đó phải rời điếm Trung Hòa hay Trung tâm Thái Cực để đi nơi khác đó là lý do của sự biến động. Đó là lý do tạo nên bát quái.

Dưới đây là thuyết cấu tạo bát quái của Trương Tử. Trương Tử nói : “Lưỡng tại (2 cái đều ở đó) cho nên bất trắc (chẳng lường được) Tốn, Ly, Đoài đó là Kiền giao với Khôn mà được ở Khôn, Chấn, Khảm, Cấn, đó là Khôn giao với Kiền mà được ở Kiền, âm quái tất có dương, dương quái tất có âm. Tính cách lưỡng tại của âm dương, tức là cái mà kiền khôn lấy để làm Thần”. (Lưỡng tại có bất trắc, Tốn, Ly, Đoài, Kiền giao ư khôn nhi đắc ư khôn dã chấn khảm cấn khôn giao ư kiền nhi đắc ư kiền dã. Âm quái tất hữu dương, âm quái tất hữu dương. Thứ âm dương chi lưỡng tại, tức kiền khôn chi sở dĩ vi thần dã).

Ta có thể diễn giải lời của Trương Tử như sau:

- Khi Càn giao với Khôn ta có kết quả như sau :









- Càn lấy 1 hào âm đầu của Khôn ta có quẻ (Tốn)
- Càn lấy 1 hào âm giữa của Khôn ta có quẻ (Ly)
- Càn lấy 1 hào âm cuối của Khôn ta có quẻ (Đoài)

- Khi Khôn giao với Càn ta có kết quả như sau :

- Khôn lấy 1 hào dương đầu của Càn ta có quẻ (Chấn)
- Khôn lấy 1 hào dương giữa của Càn ta có quẻ (Khảm)

- Khôn lấy 1 hào dương cuối của Càn ta có quẻ (Cấn)

**Sự giao nhau giữa Càn và Khôn cho ta kết quả như sau:**

| Càn giao với Khôn   | Khôn giao với Càn   |
|---|---|
|    |    |
| Càn   | Khôn  |
|    |    |
| Tốn   | Chấn  |
|  |  |
| Ly  | Khảm  |
|  |  |
| Đoài  | Cấn   |

— Bát quái đồ —

Như ta đã biết đạo Dịch là đạo đi về theo đúng Lý Thái Cực. Nói khác âm luôn luôn đi tìm dương, và dương cũng không thể ở yên, phải đi tìm

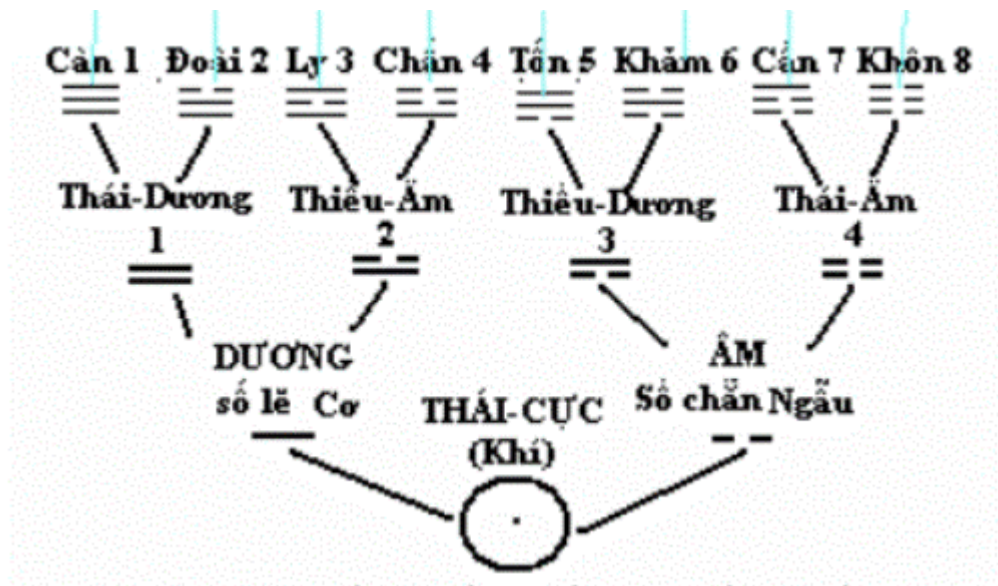
âm. Bát quái đồ chính là bản chỉ đường cho âm tìm dương, dương tìm âm, nên âm dương được sắp xếp đối nhau trong bát quái đồ.

Ở trung tâm của bát quái đồ, phải ghi Thái cực mới đúng, nhưng các bát quái đồ mà ta thấy trong các sách không có ghi thái cực, đó là một sự thiếu sót lớn. Có lẽ vì người ta thấy hình Thái Cực không đồng dạng với các quẻ dịch. Vì vậy để tránh sự hiểu lầm về ý nghĩa của bát quái đồ ta có thể để hình quẻ càn (☰) và quẻ khôn (☷) ở giữa và muốn giản lược thì ta chỉ để quẻ (☰) thôi cũng được, vì nhiều tác giả đã cho quẻ Càn là Thái cực. vì họ lý luận là Thái cực là Vô cực, cho nên một Càn có thể đại diện cho Khôn ở giữa.

### **Ghi chú đặc biệt về sự cấu tạo bát quái.**

Trong các sách dịch còn nói tới một phương pháp cấu tạo bát quái khác với những gì chúng tôi trình bày trên đây (theo phương pháp của Trương Tử). Sở dĩ tôi chọn Trương Tử vì phương pháp của ông rất thích hợp với Lý Thái Cực và như đã trình bày, kinh dịch được cấu tạo bằng Lý Thái Cực. Để độc giả có dịp so sánh 2 phương pháp, chúng tôi xin trình bày một cách ngắn gọn phương pháp ấy như sau:

Phương pháp này được cấu tạo dựa theo ý của câu sau đây trong Hệ Từ Thượng : “Thái Cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái”



Âm (--) sinh ra Tốn, Khảm, Cấn, Khôn

Dương (—) sinh ra Chấn, Ly, Đoài, Càn

Có một sự kiện đã gây hoang mang cho nhiều người kể cả những người rất uyên thâm về Dịch là tại sao (☱) (☲) lại là Âm ở tiên thiên bát quái mà lại là Dương ở hậu thiên bát quái.

Nếu nhìn vào cách cấu tạo bát quái theo phương pháp trên đây thì thấy rằng sở dĩ trong tiên thiên bát quái (☱) (☲) được gọi là âm vì (☱) (☲) do phần âm (—) của Thái cực tạo ra nên là âm, còn (☳) (☴) được gọi là dương vì (☳) (☴) do phần dương (—) của Thái cực tạo ra, nên là dương. Thực ra trên thực tế ít ai coi (☱) (☲) là dương, người ta luôn coi (☱) (☲) là âm. Và cũng như vậy đối với (☳) và (☴).



Tuy nhiên khi diễn tả sự tiêu trưởng, thăng giáng của âm dương thì người ta cho Càn (☰), Đoài (☱) Ly (☲) Chấn (☳) là dương, và Tốn (☴), Khảm (☵), Cấn (☶), Khôn (☷) là âm.

### 3) Lý Thái Cực và sự cấu tạo 64 quẻ kép của kinh Dịch

Những người mới học Dịch thường đặt những câu hỏi như tại sao kinh Dịch lại gồm 64 quẻ, tại sao lại xài quẻ kép quẻ trên là ngoại quái quẻ dưới là nội quái. Tại sao phải phân ra nội ngoại ? Tại sao quẻ Dịch lại có tên như vậy ? v.v...

Tất cả những câu hỏi trên sẽ được giải thích thỏa đáng nếu chúng ta hiểu được Lý Thái Cực và hiểu phương cách mà tác giả áp dụng Lý Thái Cực để làm ra kinh Dịch. Lý Thái Cực như ta đã biết, là nguồn gốc của mọi biến dịch, là một mẫu hình của đạo đi về. Kinh Dịch là một đạo đi về. Vì vậy sự sắp xếp 64 quẻ kép cũng để thực hiện cái đạo dịch tức là đạo đi về: âm về với dương, dương về với âm.

Như ta đã biết, sự cấu tạo bát quái chính là một cách nói về đạo đi ra hay là âm, dương ra khỏi Thái cực, mà người ta thường nói là Thái cực sinh âm dương.

Tác giả kinh Dịch lại sắp xếp các quẻ dịch để diễn tả sự đi về của âm dương.

Thí dụ quẻ (☱) Trạch Sơn Hàm đó là quẻ diễn tả dương trở về với âm, hay Sơn đã kiếm được Trạch, vì Dương đã kiếm được Âm nên Hàm là tình cảm yêu thương. Nhưng trên thực tế chẳng mấy khi mà dương kiếm được âm theo đúng ý mình, quyền kinh Dịch đã diễn tả mọi trường hợp kể cả âm, dương gặp được đúng ý trung nhân của mình, cả trường hợp gặp những nhân vật nghịch ý mình.

Thí dụ:

Quẻ Ly (☲), quẻ Ly (☲) sẽ đi kiếm quẻ Khảm (☵)

Nhưng trên bước đường tìm kiếm thì nó gặp 7 quẻ khác trước khi gặp quẻ Khảm. Thế cho nên ta có :

Thiên Hỏa Đồng Nhân

Trạch Hỏa Cách

Thuần Ly

Lôi Hỏa Phong

Phong Hỏa Gia Nhân

Thủy Hỏa Ký Tế

Son Hỏa Bí

Địa Hỏa Minh Di [Thương]

Như vậy, quẻ phải trải qua 8 giai đoạn mới kiếm được người ứng hợp với mình. Vì vậy , ta có :  $8 \times 8 = 64$  quẻ.

Để diễn tả tất cả các tình huống, tất cả các hiện tượng trong trời đất, trong xã hội loài người.

Nội quái đại diện cho người đi tìm. Còn ngoại quái đại diện cho đối tượng của cuộc tìm kiếm.

#### **4) Lý Thái Cực và tên các quẻ Dịch.**

Kinh Dịch có 64 quẻ kép và mỗi quẻ đều có tên.

Tại sao quẻ (☵) gọi là Thủy Hỏa Ký tế, quẻ (☶) gọi là Địa Thiên Thái – Tại sao lại Ký tế và Thái mà không gọi một tên nào khác.

Lý Thái Cực cho ta biết rằng Hỏa (☲) đi kiếm Thủy (☵) khi Hỏa kiếm được Thủy thì hoàn thành được công việc của mình. Ký tế là hoàn thành lý do là hào âm hai là hào đại diện cho tâm, cho ước muốn bây giờ gặp dương năm tức là gặp người mình hằng mong ước cho nên gọi là hoàn tất mọi ước muốn.

Còn về quẻ Thái, nội quái là Càn đi kiếm Khôn mà bây giờ kiếm được thì Thái tại sao Thái, Thái không phải là lớn, mà là hòa lớn, Thái Hòa hay Hòa lớn là gì ? Thái Hòa chính là hòa trời, hòa đất và hòa người, tại vì Càn là Thiên Địa Nhân Dương gặp Thiên Địa Nhân Âm, thì phải là Thái Hòa, phải là Hòa lớn.

Với Lý Thái Cực chúng ta thấy kinh Dịch được cấu tạo có lý, đó là Lý Thái Cực.

Tóm lại Lý Thái Cực là chìa khóa mở các kho tàng bí mật được giấu kín trong kinh Dịch.

## **B- LÝ THÁI CỰC VÀ HÀ ĐỒ LẠC THƯ**

Hà Đồ Lạc Thư là cơ cấu rất quan trọng trong việc diễn giải kinh Dịch và tìm hiểu thế giới vật chất và tinh thần.

Nó liên hệ tới sự cấu tạo các quẻ dịch, hệ ngũ hành, sự liên hệ giữa ngũ hành và âm dương, cấu tạo hậu thiên bát quái.

Kinh Dịch không phải chỉ cấu tạo bằng tượng mà còn bằng số nữa. Dịch học là cái học về tượng số. Vì chỉ có số mới có thể diễn tả đầy đủ bản chất của các vật hữu hình.

Hà Đồ và Lạc Thư là cơ cấu được xây dựng bằng các số từ 1 đến 10. Căn bản nhất phải nói tới các số trong Hà Đồ.

### 1) Hà Đồ

Bát quái và tiên thiên bát quái đồ thuộc về lĩnh vực tư tưởng diễn tả cái đạo đi về. Âm Dương có khuynh hướng đi tìm nhau và gặp nhau tại trung tâm của bát quái đồ hay trung tâm của Thái cực. Đó là thế giới vô hình. Còn thế giới vật chất hữu hình thì sao? Bản chất của các vật thể như đất đá, sông ngòi, con người trong xã hội loài người đã tiếp cận ứng xử với nhau như thế nào.

Hà Đồ và Lạc Thư cung cấp cho ta nhiều dữ kiện để ta có thể tìm hiểu thế giới vật chất và sự biến dịch trong thế giới này. Đầu tiên Hà Đồ diễn tả 2 đặc tính của vật chất là :

- **Đặc tính Không Thời** : muốn hiện hữu một vật thể phải luôn luôn có 2 tính chất không gian và thời gian.

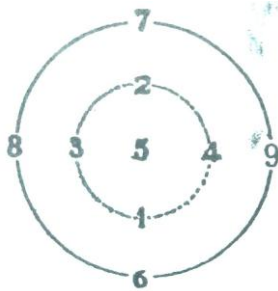
Thí dụ: một đứa trẻ sinh ra ở một không gian nào đó, nếu nó không có một thời gian, một giờ, một ngày, một tháng để sống thì đứa trẻ đó cũng không thể hiện hữu được. Dịch đã dự trù cái đặc tính đó phải hiện diện ở bất cứ quả dịch nào.

### 2) Đặc tính thứ hai là vật thể nào cũng có hai mặt:

Một mặt tiềm ẩn, còn gọi là tiềm thể, vô hình.

Một mặt thực thể, còn gọi là hiện thể, hữu hình.

Hà Đồ đã dùng số từ 1 đến 10 để diễn đạt tính chất 2 mặt của vật thể và sử dụng khung Thời Không gồm 1 vạch tung và 1 vạch hoành gặp nhau tại trung tâm của Hà Đồ để diễn tả tính chất Thời Không của quả Dịch



Nhóm số từ 1 đến 10 được chia ra làm 2 nhóm: Số sinh và số thành : Số từ 1 đến 5 gọi là số sinh

6 đến 10 gọi là số thành

| Số sinh | Số thành     |
|---------|--------------|
| 1       | $5 + 1 = 6$  |
| 2       | $5 + 2 = 7$  |
| 3       | $5 + 3 = 8$  |
| 4       | $5 + 4 = 9$  |
| 5       | $5 + 5 = 10$ |

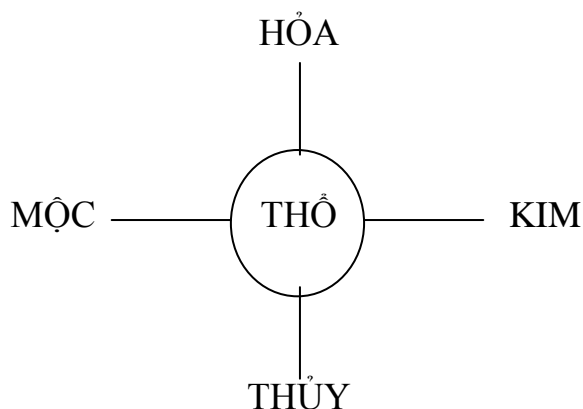
Số 1, 2, 3, 4, 5 sinh ra số 6, 7, 8, 9, 10

Số sinh được để ở vòng trong

Số thành được để ở vòng ngoài.

Số sinh để diễn tả phần tiềm thể, vô hình của vật chất, diễn tả bằng âm dương.

Số thành là để diễn tả phần hiện thể, hữu hình diễn tả bằng ngũ hành : Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ



Ta có thể tổng kết các yếu tố tạo nên Hà Đồ như sau:

| Số sinh          | Số thành      |
|------------------|---------------|
| ① ② ③ ④ ⑤        | ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩     |
| Tiềm thể         | Hiện thể      |
| (Potentialities) | (Actualities) |
| Vô hình          | Hữu hình      |
| Âm Dương         | Ngũ hành      |

### Vai trò của Lý Thái Cực:

Tại sao số 5 lại ở giữa, số 1 ở Bắc, số 2 lại ở Nam.

Để giải thích những liên hệ giữa số và Âm Dương, ngũ hành, và muốn biết vai trò của các số ta phải nhờ tới Lý Thái Cực. Số 1 là Dương, số 2 là Âm, và số 5 là số Trung hòa âm dương ( $5 = 2 + 3$ ) gộp cả 3 lại ta có trục tung : trục tung, trục hoành đại diện cho Lý Thái Cực gộp 3 làm 1.

Lý Thái Cực sẽ là yếu tố quyết định cho việc áp dụng Hà Đồ như thế nào để hiểu các quẻ dịch.

### Những ứng dụng của Hà Đồ:

**a) Ý niệm về Tiềm Thể (Potentialities) đã được ứng dụng vào các quẻ Dịch.**

Các quẻ dịch như đã trình bày gồm : Nội quái và ngoại quái.

Trong phân thể hay phân lý thuyết, tư tưởng diễn tả bằng đạo đi về, Tiên Thiên bát quái đã hướng dẫn cho ta là nội quái là chủ đi tìm khách là ngoại quái. Nhưng Dịch còn diễn tả thế giới vật chất với sự chuyển hóa, biến dịch liên tục không ngừng nghỉ và tiềm thể (do số sinh đại diện), còn dùng để diễn tả tính chất của nội quái. Nội quái là tiềm thể và ngoại quái là hiện thể.

Thí dụ: quẻ (☱☲) Phong Lôi Ích, nội quái Lôi (☳) là tiềm thể hay là ước muốn, ý định, còn Phong (☴) chính là sự thể hiện của ý muốn đó, vì ước muốn Lôi (☳) được thể hiện đầy đủ ở ngoại quái Phong (☴), nên quẻ gọi là Ích. Ích là làm ăn có lời, nhưng nếu là quẻ (☱☲) (Sơn Lôi Di). Sơn Lôi Di gồm nội quái Lôi (☳) ước muốn mà không được thể hiện bằng Phong (☴) mà thể hiện bằng Sơn (☶) nên gọi là Di, Di là thiếu ăn, tức không có lời vì Sơn thiếu 1 hào quan trọng là hào 5, hào 5 phải là Dương thì ước nguyện mới thể hiện được.

Nếu người học Dịch hiểu được điều này thì việc hiểu quẻ Dịch sẽ dễ dàng hơn nhiều.

**b) Ý niệm về Thời Không được coi như vô cùng quan trọng trong việc tìm hiểu quẻ Dịch.**

Quẻ Dịch là phương tiện để nói về Thời Không. Quẻ Dịch dùng để diễn tả một sự việc, một hiện tượng, sự việc đó hay hiện tượng đó luôn luôn có hai yếu tố Thời Không. Sự việc ấy xảy ra ở đâu? Lúc nào?

**- Thời:**

Vì vậy trong một quẻ gồm 3 hào thì hào đầu đại diện cho Thời Sơ hào giữa đại diện cho Thời Trung và hào thứ ba đại diện cho Thời Mạt.

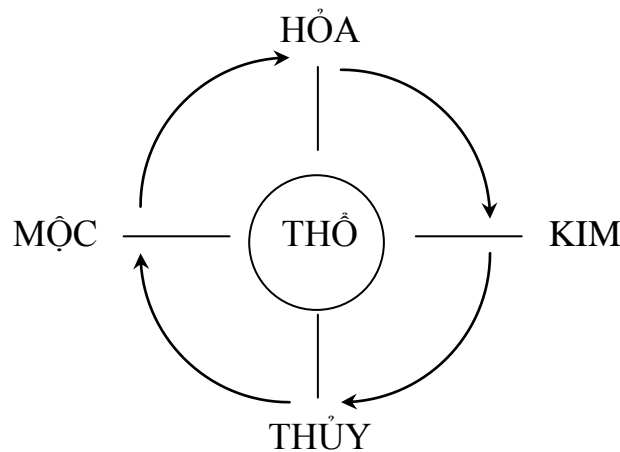
**- Vị (tức là không gian)**

Trong quẻ 6 hào 1, 3, 5 là vị dương, hào 2, 4, 6 là vị âm.

Hiểu được hai yếu tố Thời Không và Tiềm Thể- Hiện Thể trong các quẻ Dịch sẽ giúp ta hiểu các hào tử và quái tử của kinh Dịch một cách dễ dàng hơn.

**c) Ứng dụng của Hà Đồ vào cơ cấu Ngũ Hành.**

Cơ cấu ngũ hành dùng để diễn tả sự biến dịch của vật thể hữu hình, sự biến hóa này luôn luôn phải tôn trọng Lý Thái Cực. Lý Thái Cực được diễn tả như là một luật Quân Bình ở thế giới hữu hình.



Sự vật được diễn tả bằng 5 hành hay 5 vật thể vận hành trong vũ trụ theo luật sinh khắc.

Cơ cấu ngũ hành suy ra từ Hà Đồ là một cơ cấu được áp dụng một cách rất sâu rộng.



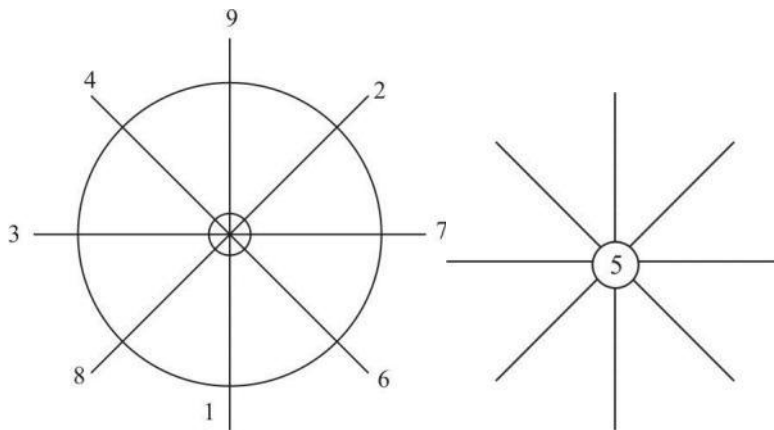
Một cách tổng quát cơ cấu ngũ hành diễn tả sự chuyển biến của vật thể và cũng là một cơ cấu có hành thổ là nơi trung gian của mọi mâu thuẫn, biến các sự tương khắc ra tương thành biến các sự bất quân bình thành quân bình.

Để có thể thấy ích lợi của ngũ hành ta phải xét đến Hậu thiên bát quái của Văn Vương để thấy sự ứng dụng của ngũ hành rất đa dạng.

## V- Lý Thái Cực và Lạc Thư

### 1) Lạc Thư

Lạc Thư là mô thức nhằm diễn tả sự sinh khắc của vật thể hữu hình một cách hợp lý và hữu dụng hơn cơ cấu ngũ hành. Các số âm dương tức số lẻ và số chẵn của Hà Đồ được sắp xếp lại theo nguyên tắc số chẵn (âm) lẻ (dương) hợp với nhau thì Sinh – ta có vòng Sinh từ trái sang phải, nhưng nếu âm giao nhau với âm theo trục đối xứng, hay dương giao nhau với dương cũng theo trục chính đối xứng thì khắc nhau, nếu khắc nhau thì phải nhờ tới điểm trung hòa số 5 ( $2 + 3$ ) làm trọng tài, hay làm điểm quân bình. Lạc Thư là một mẫu hình của sự quân bình cho mọi sự khắc chế trong thế giới vật chất trong thiên nhiên.



Những sự tương khắc này sẽ đi đến tương thành qua trung tâm của Bát Quái đồ Hậu thiên (tức là điểm Trung hòa đại diện bằng số 5 (2+3)).

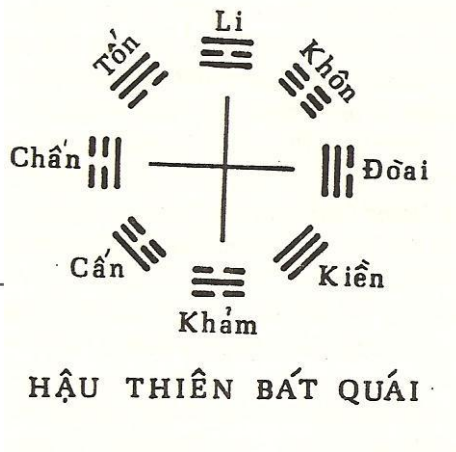
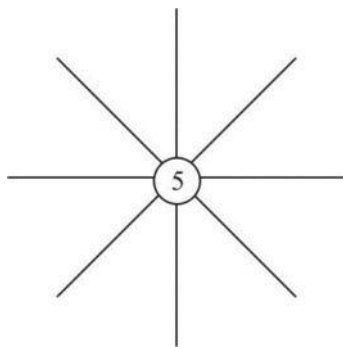
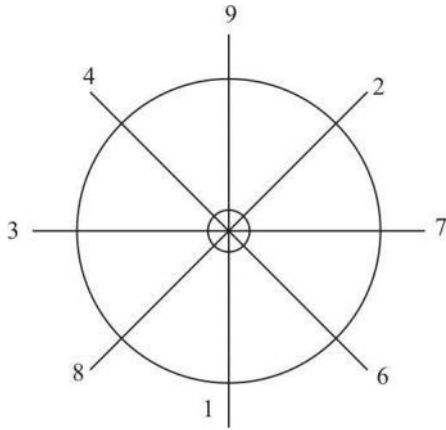
Văn Vương đã sử dụng Ngũ hành và Lạc thư để cấu tạo nên Hậu thiên Bát quái.

## **2) Hậu thiên bát quái :**

Văn vương đã phối hợp Ngũ hành với Lạc thư và phân Ngũ hành ra âm dương như sau:

|             |            |        |
|-------------|------------|--------|
| Kim gồm     | Kim âm     | (Đoài) |
|             | Kim dương  | (Càn)  |
| Mộc gồm     | Mộc dương  | (Chấn) |
|             | Mộc âm     | (Tốn)  |
| Thổ gồm     | Thổ dương  | (Cấn)  |
|             | Thổ âm     | (Khôn) |
| Thủy chỉ có | Thủy dương | (Khảm) |
| Hỏa chỉ có  | Hỏa âm     | (Ly)   |

Sau đó an các quẻ vào vị trí của các số của Lạc thư như sau:



Văn Vương cấu tạo hậu thiên bát quái cũng tôn trọng Lý Thái Cực.

Trục Thủy Hỏa ở giữa là điểm trung hòa số 5 (3+2) vẫn là Lý Thái Cực gộp 3 làm một, tức là âm (hỏa), dương (thủy) hợp với trung tâm Thái cực (đại diện bằng số 5) gộp lại một thành Lý Thái Cực.

Hậu thiên bát quái của Văn Vương mục đích là để điều hòa mọi mâu thuẫn xung đột trong thiên nhiên và xã hội loài người.

Cặp mâu thuẫn Thủy Hỏa, tức nóng lạnh, đã được phối hợp với nhau qua trung tâm quân bình của Hậu thiên bát quái (tức số 5 trong Lạc thư, số  $5 = 2 + 3$ ), chính nhờ nguyên tắc âm dương quân bình này Hải Thượng Lãn Ông đã khám phá phương pháp chữa 50 loại bệnh khác nhau, các môn thuốc của ông chỉ nhằm việc quân bình Thủy Hỏa, mà ông gọi là quân bình tâm thận (tâm là Hỏa, thận là Thủy).

Các cặp mâu thuẫn khác như:

Động Tĩnh – tức Chấn                      và Đoài

Cứng Mềm – tức Càn                      và Tốn

Cao Thấp – tức Cấn                      và Khôn

Các cặp mâu thuẫn này đều phải nhờ trung tâm Hậu thiên bát quái đồ là Thái Cực đại diện bằng số 5 trong Lạc thư – điều hòa và ở trong thế quân bình.

## **C- LÝ THÁI CỰC VÀ PHƯƠNG PHÁP TƯ DUY ĐÔNG PHƯƠNG VÀ TÂY PHƯƠNG.**

### **1- Phương pháp tư duy Tây Phương.**

Aristotle đã đưa ra một phương pháp luận được mệnh danh là tam đoạn luận, đó là một phương pháp thuộc Diễn Dịch pháp, ông cho nó là một dụng cụ để tìm chân lý. Sau này đến thế kỷ thứ 17, F. Bacon đã sáng chế ra Qui Nạp pháp, ông cũng cho rằng phương pháp luận của ông là một dụng cụ

để kiểm chân lý. Về sau, các khoa học gia đã xài phương pháp qui nạp của ông trong việc đi tìm các luật tắc của thiên nhiên.

Diễn Dịch pháp của Aristotle và Qui Nạp pháp của Bacon đã là những phương tiện giúp khoa học gia kiếm ra các luật tắc thiên nhiên và áp dụng nó vào khoa học kỹ thuật của nền văn minh vật chất Tây phương ngày hôm nay.

Các phương pháp luận tư duy Tây phương đã thành công trong việc tạo ra của cải vật chất nhưng đã hoàn toàn thất bại trong việc tìm kiếm hạnh phúc cho con người.

F. Hegel ở thế kỷ thứ 19 khi tiếp cận với văn hóa Đông phương đã nhận ra rằng triết học Tây phương sai vì quan niệm sự vật tĩnh chỉ, ông nhận ra rằng sự vật luôn luôn biến động và chuyển hóa, và ông muốn kiếm ra một phương pháp tư duy mới thay thế cho các loại tư duy cổ điển, để có thể thích hợp với thực tại. Khi tiếp cận với Dịch lý ông mới nhận ra rằng hai yếu tố âm dương mâu thuẫn nhau, đối nghịch nhau, là nguyên nhân của mọi sự biến dịch. Ông đã tạo ra một phương pháp tư duy mới gọi là Biện Chứng Pháp. Ông mượn danh từ biện chứng (dialectic) của triết học tiền Socrates, danh từ biện chứng thời tiền Socrates và thời Socrates chỉ có nghĩa là tranh luận để tìm ra chân lý. Ông đã kết hợp danh từ biện chứng với quan niệm âm dương hợp nhất để về Thái cực của Dịch. Và ông gọi là Biện Chứng Pháp. Ông cho rằng trong lòng sự vật luôn luôn có sự đối nghịch âm dương mà gọi là hai yếu tố mâu thuẫn đối nghịch nhau, gây căng thẳng và đó là động cơ của mọi biến dịch. Ông gọi yếu tố thứ nhất là chính đề và yếu tố đối nghịch là phản đề, hai yếu tố này sẽ hợp với nhau thành tổng hợp đề : Theo Hegel thì tổng hợp đề là kết quả của sự đối nghịch, xung đột của chính đề và phản đề và kết quả sẽ là tinh thần (spirit) và là tinh thần tuyệt đối.

Karl Marx là học trò của Hegel. Karl Marx rất khâm phục thầy mình đã có một phát kiến độc đáo, nhưng Karl Marx cho thầy mình không thực tế và không đồng ý là tổng hợp đề là Tinh Thần, ông cho rằng tổng hợp đề là Vật Chất mới đúng.

Tại sao Karl Mark dám quả quyết như vậy. Có lẽ vì hai lý do. Lý do thứ nhất, theo kinh nghiệm của đời mình, luôn luôn bị các thế lực mạnh hơn mình dồn mình vào cái thế khốn cùng, nghèo khó, không có tiền để nuôi gia đình, phải nhờ sự giúp đỡ của bạn bè để sống còn, ngoài ra lúc đó vào thế kỷ 19, Darwin đưa ra thuyết Tiến Hóa rất nổi tiếng, thuyết tiến hóa của Darwin đưa ra luật sống còn của sinh vật, tức là thuyết mạnh được, yếu thua.

Karl Marx đã sử dụng hoàn toàn lý luận của biện chứng F.Hegel chỉ thay đổi tổng hợp đề, tổng hợp đề của Marx là vật chất chứ không phải tinh thần như Hegel quan niệm.

Ngoài ra, ông lý luận rằng trong lòng sự vật luôn luôn có hai yếu tố mâu thuẫn nhau, xung đột, chiến tranh, một mất, một còn, cuối cùng chỉ một yếu tố sống, đó là yếu tố vật chất mạnh hơn địch thủ của mình. Ông gọi phương pháp luận của ông là Duy Vật biện chứng. Đó là phương pháp luận để ông dùng làm phương tiện đấu tranh giai cấp. Ngoài ra ông còn chế ra duy vật sử quan để giải thích lịch sử. Với duy vật biện chứng pháp, với duy vật sử quan, ông đã thuyết phục các đảng viên của ông hăng hái tiến lên thiên đàng cộng sản.

Nhưng rất tiếc là cả hai thầy trò đã sai, thầy Hegel thì đã hiểu sai âm dương và thái cực và dĩ nhiên trò Marx cũng không thể nào đúng được.

- 1) Thứ nhất, trong lãnh vực tư tưởng âm dương, không có xung đột mâu thuẫn, trái lại âm dương chỉ có ứng hợp mà thôi.

- 2) Thứ hai, là trong thế giới vật thể thì âm dương có tương khắc nhưng tương thành – chứ không hủy diệt nhau như Marx quan niệm (điều này đã nói rõ ràng trong phần Hà Đồ & Lạc Thư).

Thầy Hegel đã hiểu sai âm dương và thái cực. Theo Hegel tổng hợp đề là thái cực nên mới nói rằng tổng hợp đề là tinh thần và tuyệt đối. Không phải vậy, Thái cực là nơi mà âm và dương không phân biệt được, âm là dương, dương là âm, tức là tinh thần là vật chất, vật chất là tinh thần nơi Thái cực. Nếu nói Thái cực là tinh thần như Hegel thì không đúng và nói Thái cực là vật chất thì quá sai.

Tóm lại, thầy Hegel đã hiểu sai Dịch và việc làm của Hegel chẳng giúp gì cho việc chuyển đổi tư duy mà ông mong muốn, trái lại làm tổn bao nhiêu là bút mực của thiên hạ và tệ hại nhất là đã để cho ông học trò lợi dụng công việc của mình cho một ý đồ vô cùng vô nhân đạo và những phương pháp biện chứng duy vật của Marx đã là những viên thuốc làm mê mờ các thế hệ trẻ ở trong các nước cộng sản. Có một điều đáng tiếc là Hegel và Marx đã sai lầm, nhưng rất nhiều người không nghĩ như vậy.

## **2- Lý Thái Cực và phương pháp tư duy Đông phương**

Cuộc khủng hoảng tư tưởng Tây phương trong thời hiện đại này chỉ có thể giải quyết được bằng cách trở về với văn hóa Đông phương. Chúng tôi không có tham vọng thảo luận về một phương pháp tư duy Đông phương trong giới hạn nhỏ hẹp của bài này. Chúng tôi chỉ muốn nêu ra một vài thí dụ để gợi ý cho một phương pháp tư duy đã được sử dụng lâu đời ở Đông phương.

- 1) Phương pháp “Chấp lưỡng dụng trung” (Cầm hai đoạn đầu-cuối, dùng đoạn giữa). Phương pháp này hay được Khổng tử dùng.

Trong sách luận ngữ Khổng Tử có nói : “Ta có biết (rộng) chẳng. Ta không biết (rộng) nhưng có người nào hỏi đến ta, ta cũng phát động hai đầu mối mà dẫn giải cho biết lẽ (Ngộ hữu tri hồ tai ? Vô tri dã. Hữu bỉ phu vấn ư ngã, không không như dã, ngã khẩu kỳ lưỡng đoan nhi kiệt yên).

Đó là cách lý luận theo Lý Thái Cực gộp 3 làm 1. Câu của Khổng Tử có nghĩa là lấy 2 đoạn đầu và cuối gộp với đoạn giữa thì kiếm ra lẽ hay nói một cách khác nếu đoạn đầu đối chiếu với đoạn cuối thì thấy lý lẽ hiện ra ở đoạn giữa.

- 2) Phương pháp của ca dao tục ngữ Việt Nam gần giống phương pháp của Khổng Tử một chút, và cũng vẫn tôn trọng Lý Thái Cực gộp 3 làm 1.

Dưới đây là vài thí dụ:

- “Có đi có lại mới toại lòng nhau”

Trong câu này có hai ý là “có đi” tức “dương”, “có lại” là “âm” và yếu tố thứ ba “Toại lòng nhau”. Tức là yếu tố trung hòa, đúng với Lý Thái Cực gộp 3 làm 1 và rất gần với ý của Khổng Tử là phát động 2 đầu để sang ra đoạn giữa, vì ý có đi và có lại làm sáng ra ý thứ 3 là toại lòng nhau.

- “Thương nhau quả ầu cũng tròn, ghét nhau bồ hòn cũng méo”

Câu này đưa ra hai hình ảnh ghét nhau và yêu nhau để làm sáng tỏ ý thứ 3 là không ghét, không thương tức là điểm trung hòa để sự nhận xét đúng



đần hơn và còn có ý là không nên làm người ta ghét mình. Như vậy thì lý luận này vẫn tôn trọng Lý Thái Cực gộp 3 làm 1.

Một thí dụ khác :

- “Trông lên thì chẳng bằng ai,

Trông xuống thì chẳng thấy ai bằng mình”.

Câu này làm sáng tỏ một chân lý, mình còn hơn nhiều người lắm, như vậy thì làm sao có thể buồn được.

Loại tư duy này người viết gọi là tư duy Minh Triết.

## **VI- Kết luận**

Kinh Dịch đã được cấu tạo dựa trên các nguyên lý của sự biến dịch. Cái nguyên lý đó chính là Lý Thái Cực, vì vậy thông được Lý Thái Cực thì việc học Dịch sẽ dễ dàng. Hiểu được Dịch thì sẽ hiểu được Đạo.

Trong kinh Dịch có nói về hai đạo : Thiên đạo và Nhân đạo. Thượng kinh nói về Thiên đạo, trong thượng kinh có quẻ Thái nói về đạo Thái Hòa của vũ trụ vạn vật. Ở trong hạ kinh có quẻ Ký tế diễn tả sự đạt đạo của Tâm, nói về hạnh phúc của con người. Quẻ Ký tế muốn cho ta biết rằng khi ta hòa được với mình, với người và thiên nhiên thì ta sẽ được hạnh phúc viên mãn.

Tóm lại ta cần phải tìm hiểu Lý Thái Cực vì nó là đầu mối của hạnh phúc con người.

## **Thái Đông A**